



Bàn luận về hình thành TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH

TS. NGUYỄN ĐẠI LAI

Mô hình Tập đoàn kinh doanh nói chung đã thấy xuất hiện rất sớm cùng với quá trình tích tụ và tập trung tư bản từ nửa cuối thế kỷ 19 khi nền sản xuất hàng hoá thế giới phát triển mạnh mẽ, nhờ sự tác động trực tiếp của cuộc cách mạng công nghiệp ở các nước Tây Âu và Bắc Mỹ. Nhiều công ty, doanh nghiệp với năng lực sản xuất, năng suất lao động khác nhau, dần tới qui mô và tốc độ phát triển khác nhau đã xuất hiện các hiện tượng chèn ép, thôn tính, hoặc tự nguyện tìm cách "chung sống hoà bình" với nhau trên cơ sở những liên minh hay tổ hợp để phân chia thị trường và khai thác những tiềm năng riêng có của từng công ty, doanh nghiệp trong một vỏ bọc vững chắc hơn bởi một liên minh rộng hơn. Từ cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 đã xuất hiện các danh từ như: "Cartel"; "Association" và gần đây hơn là các "Cheabol"; "Group" v.v tất cả đều có chung một số nghĩa chủ đạo là: liên minh, liên kết, nhóm... cùng thoả thuận tuân thủ một số nguyên tắc điều chỉnh chung như: Quy chế chung, chiến lược phát triển chung, cơ chế điều tiết qua vốn và nhân sự, cung ứng sản phẩm; Phân chia chiếm lĩnh thị trường; Thống

nhất phương thức, nguyên tắc kiểm soát nội bộ; Có một Công ty đóng vai trò "thương hiệu" trung tâm, có khả năng chi phối và bảo vệ các Công ty con hoặc Công ty thành viên khác trong liên minh có thể tránh khỏi nguy cơ bị chèn ép hoặc thôn tính... Tất cả những "liên minh" như thế, khi nghiên cứu và dịch ra tiếng Việt, thông thường chúng ta gọi chung là: "Tập đoàn". Đây là một danh từ rất gọn gàng, rất chuẩn về phương diện ngôn ngữ, song để hiểu sâu về nội hàm của danh từ mang tính cấu trúc quan hệ kinh tế này vẫn còn đang là một vấn đề rất nan giải không chỉ ở Việt Nam.

Để nhận dạng một Tập đoàn kinh doanh nói chung, cần phải thông qua những đặc trưng chung của Tập đoàn và đặc trưng riêng của các công ty con hay thành viên trong Tập đoàn mang tính phổ biến sau đây:

1. Nhóm những đặc trưng chung Tập đoàn là một cấu trúc có tính lỏng về tổ chức nhưng có quan hệ rất chặt chẽ về chiến lược thị trường và chiến lược luân chuyển vốn. Tập đoàn không có tư cách pháp nhân, không có "trụ sở chính", không có các Phòng, Ban trong biên chế thường

trực chung – Tóm lại không có "cơ quan hành chính" thường trực chung của Tập đoàn. Nhưng đã là một Tập đoàn thì nhất thiết phải có một số thiết chế quản trị chung như: Hội đồng chiến lược, Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban bầu cử, Hội đồng nhân sự, thậm chí có Hội đồng quản trị Tập đoàn... Các thành viên trong các Hội đồng hay Ủy ban nói trên hoạt động theo tôn chỉ, mục đích chung đã được các bên ký thoả thuận từ trước và đa số theo cơ chế kiểm nhiệm. Vị chủ tịch thường là người có ảnh hưởng và uy tín lớn nhất thuộc Công ty xuất phát hay Công ty mang Logo chính của Tập đoàn. Vị chủ tịch cũng như các thành viên trong các Hội đồng hay Ủy ban thông thường vẫn làm việc, hưởng lương chính từ các Công ty con hay Công ty thành viên, nơi mà từ đó họ được bầu vào các Hội đồng hay Ủy ban và ngoài ra được hưởng một khoản phụ cấp trách nhiệm do các Công ty thành viên hay Công ty con trích từ lợi nhuận đóng góp lên theo qui định chung. Tập đoàn do đó luôn có khái niệm "Công ty xuất phát" hay "Công ty gốc", hoặc "Công ty đứng đầu", "Công ty sáng lập", Công ty "Holding"... Vị thế của Công ty này trước hết biểu hiện ở Logo

mang tên Tập đoàn và ở khả năng chi phối định hướng phát triển của các Công ty con hay công ty thành viên khác trong Tập đoàn. Lợi ích chung của các Công ty trong Tập đoàn là được hành động theo chiến lược chung, theo "bản đồ" phân bố thị trường hay các quan hệ gần bó về vốn, về thương hiệu, về văn hoá, về ngoại giao v.v. Cơ chế điều hành chung của các Tập đoàn chủ yếu dựa trên quan hệ về lợi ích kinh tế minh bạch, về uy tín cũng như các cam kết công khai đã ghi trong qui chế chung của Tập đoàn mà không dựa trên các mệnh lệnh hành chính. Cũng theo đó, các pháp nhân trong Tập đoàn luôn có chung quyền được bảo vệ để có thể tránh khỏi những nguy cơ bị thôn tính hay chèn ép trên thị trường từ các Công ty ngoài Tập đoàn...

2. Nhóm những đặc trưng nổi. Đặc trưng quan trọng nhất là mỗi Công ty trong Tập đoàn phải là một Pháp nhân độc lập. Các Công ty thành viên hoặc Công ty con có sở hữu tài sản riêng, trụ sở riêng, thị trường riêng và thậm chí ngành nghề riêng. Chính vì vậy, giữa các Công ty trong cùng một Tập đoàn có mức thu nhập, tình trạng rủi ro và qui mô tài chính không giống nhau. Việc hình thành một Tập đoàn kinh doanh luôn theo nguyên tắc tự nguyện thông qua đàm phán để mua, bán, liên kết, sáp nhập, cam kết, ký kết...trong đó có một/một nhóm Công ty khởi xướng đóng vai trò sáng lập đầu tiên của Tập đoàn (nếu là hình thành Tập đoàn thông qua hình thức "tập trung tư bản" từ nhiều Công ty thành viên); Hoặc từ một Công ty lớn tách ra thành nhiều Công ty con độc lập thông qua một "công thức" phân chia sở hữu hoặc một quan hệ tỷ lệ sở hữu mà trong đó Công ty mẹ vẫn là Công ty có vai trò chi phối (nếu Tập đoàn hình thành thông qua hình thức "tích tụ tư bản"). Như vậy, việc hình thành một Tập đoàn kinh doanh nói chung không phải do một "mệnh lệnh" hành chính của Nhà nước công bố để "thành lập", mà là việc công bố của chính Tập đoàn khi ra đời và được dư luận xã hội, thị trường và Nhà nước thừa nhận. Nhiều Công ty đa quốc gia cũng được các Nhà nước liên quan thừa nhận thông qua các "thông cáo chung" qua con đường ngoại giao đã có từ trước giữa các quốc gia. Như vậy, hầu như không có một nhà sáng lập nào đứng trên hoặc ở bên ngoài Tập đoàn đứng ra "công bố thành lập Tập đoàn". Sự ra đời của các Tập đoàn do đó

như là một cấu trúc kinh tế phát triển tự nhiên do đòi hỏi khách quan của kỹ nghệ quản trị, của phân khúc thị trường và của thực tiễn tồn vong của bản thân Tập đoàn nói riêng cũng như nhu cầu thị trường nói chung. Sự xuất hiện của một Tập đoàn do đó không chỉ dựa trên những nguyên tắc tự nguyện, mà còn là sự đòi hỏi khách quan trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất xã hội miễn là hoạt động của kiểu cấu trúc theo mô hình đó không trái với các nguyên tắc ứng xử của Pháp luật hoặc Hiệp ước chung giữa các quốc gia, mang lại quyền lợi tốt hơn cho bản thân Tập đoàn, cho xã hội và cho nguồn thu thuế của Nhà nước hoặc của nhóm Nhà nước liên quan. Các loại Tập đoàn phổ biến hiện nay là: Tập đoàn công nghiệp cụ thể nào đó...; Tập đoàn sản xuất cụ thể nào đó (ví dụ Thép, Ô tô, Máy bay, Khai khoáng...); Tập đoàn thương mại dịch vụ cụ thể...; Tập đoàn tài chính...

Để xuất quan điểm về hình thành Tập đoàn tài chính ở Việt Nam:

Vấn đề đặt ra là, những bài học gì có thể rút ra và tham khảo cho Việt Nam trong thời kỳ tái cấu trúc NHTM hiện nay? Qua nghiên cứu các mô hình Tập đoàn tài chính có thể thấy rằng, hầu hết các quá trình hình thành mô hình Tập đoàn, các cuộc sáp nhập hoặc cổ phần hóa Ngân hàng trên thế giới đều diễn ra theo một số nguyên tắc mang tính khách quan, vừa có lợi, vừa bao gồm cả những mặt hạn chế mà Việt Nam có thể tham khảo trong quá trình hình thành mô hình Tập đoàn tài chính trong tương lai như sau:

- Tất cả các bên sáp nhập hay được tách ra thành Công ty con độc lập trong Tập đoàn đều tìm thấy lợi ích lớn hơn, rộng đường tự lập và chủ động hơn trong một không gian thị trường lớn hơn, nhưng yên tâm hơn vì được "che ô" bằng Logo, uy tín, qui chế chung và bằng bảo hiểm dịch thực

của Tập đoàn.

- Hầu hết các cuộc sáp nhập hay Tập đoàn hóa đều diễn ra khi phải cứu vãn tình thế tài chính, tình trạng hỗn loạn trong cạnh tranh hoặc cùng nhằm mở đường cho một chiến lược kinh doanh lớn hơn.

- Lợi thế của mọi cuộc sáp nhập hay Tập đoàn hóa thường nghiêng về phía Định chế tài chính nào nắm cổ phần chi phối. Chính vì thế các pháp nhân là NHTM nước ngoài ở những nước có nền kinh tế thị trường phát triển không bao giờ chỉ mua cổ phần ở tỷ lệ quá nhỏ để chấp nhận vị thế không có vai trò gì trong các Hội đồng quản trị và càng không bao giờ chỉ mua cổ phiếu ưu đãi lợi tức thuần túy.

- Sáp nhập hay liên minh thành Tập đoàn không phải lúc nào cũng ưu việt, song nói chung đó là con đường mà các bên cùng phải chọn trong điều kiện phát triển thị trường và nhất là trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế. Ở đầu kinh tế thị trường càng phát triển thì ở đó càng xuất hiện nhiều vụ sáp nhập hoặc tự "sinh nở" ra những Công ty con độc lập với Công ty mẹ để

...Ở đầu kinh tế thị trường càng phát triển thì ở đó càng xuất hiện nhiều vụ sáp nhập hoặc tự "sinh nở" ra những Công ty con độc lập với Công ty mẹ để tạo ra những Tập đoàn tài chính mạnh, đa năng, đa lĩnh vực và phân quyền quản trị. Tập đoàn do đó vừa mạnh về vị thế, bành trướng về qui mô, nhưng quản trị kinh doanh lại được độc lập hóa...

tạo ra những Tập đoàn tài chính mạnh, đa năng, đa lĩnh vực và phân quyền quản trị. Tập đoàn do đó vừa mạnh về vị thế, bành trướng về qui mô, nhưng quản trị kinh doanh lại được độc lập hóa, cụ thể hóa trách nhiệm bởi các đơn vị thành viên trong việc thực thi qui chế chung được lập ra bởi các bộ não lớn và xuất chúng nhất của Tập đoàn. Sáp nhập hay Tập đoàn hóa do đó là một xu thế khách quan, tự nó, mà hầu như không thông qua các cuộc "ép duyên" hay ra lệnh từ bên ngoài.

- Hầu hết các cuộc sáp nhập hay Tập đoàn hóa đều dẫn đến giảm chi phí vốn đầu vào và mở rộng thị trường kinh doanh ở đầu ra.

- Những cuộc sáp nhập và chia tách trong quá trình Tập đoàn hóa ngày càng vạch rõ ranh giới về trách nhiệm hiệu quả sử dụng vốn, nhưng lại xóa được ranh giới

truyền thống về cạnh tranh giữa các dòng sản phẩm của các Định chế tài chính vốn là những đơn vị hạch toán phụ thuộc và kinh doanh đa năng. Đây cũng là cơ hội để khắc phục rủi ro hoạt động nhờ phân biệt các ĐCTC độc lập cho việc thiết lập bức tường lửa trong cùng tập đoàn để phân biệt rạch ròi chức năng và danh mục hoạt động kinh doanh của NHTM, NHĐT, NHPT, Công ty bảo hiểm, Công ty tài chính, Công ty cho thuê tài chính...

- Chống lại sự suy thoái hoặc yếu kém bằng việc tự nguyện tham gia sáp nhập/tách ra độc lập hóa trong một không gian qui chế chung cũng là cách để làm cho qui mô thị trường được mở rộng, hiệu quả vốn năng cao và mang tính bền vững cho thị trường tài chính (TTTC). Qui luật tích tụ và tập trung tư bản đã hình thành khách quan qua thực tiễn hàng trăm năm phát triển kinh tế thị trường là do hiệu quả nhờ qui mô và hiệu quả nhờ kỹ trị. Đó chính là công cụ siêu mạnh để tạo nên những liên minh lớn hơn, hiệu quả hơn nhưng việc quản trị lại giản đơn hơn. Đó là sức mạnh của Tập đoàn doanh nghiệp nói chung và Tập đoàn tài chính nói riêng.

Một vài suy nghĩ: Tập đoàn hoá Doanh nghiệp nói chung, Tập đoàn hoá các Ngân hàng thương mại nói riêng là xu thế tất yếu của quá trình đa năng hoá trong phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập. Nó không chỉ là quá trình đa sở hữu và hữu danh hoá quyền sở hữu (quyền định đoạt, quyền phân quyết/chỉ phối, quyền sử dụng vốn), mà còn là phương thức căn bản để

tồn tại, đồng thời là kết quả tất yếu của quá trình tích tụ, tập trung tư bản và tạo ra TTTC hoàn hảo hơn, cạnh tranh hơn và đích danh hơn trong cả thất bại lẫn thành tựu. TTTC phát triển vừa là qui luật của kinh tế thị trường vì nhờ nó mà lưu thông hàng hoá, lưu thông vốn được mở rộng nhanh chóng, song tính dễ bị tổn thương, tính nhạy cảm và nhất là tính lan toả và sự ảnh hưởng lẫn nhau của thị trường này cũng là thách thức lớn đối với mọi quốc gia có nền kinh tế thị trường. Chính vì vậy, có mặt trong TTTC những Định chế tài chính mạnh, hoạt động minh bạch là một nhu cầu khách quan và là sự biểu hiện của qui luật đào thải và phát triển.

Tập đoàn hoá các NHTM ở Việt Nam chưa có tiền lệ, là việc rất phức tạp và diễn ra trong môi trường thị trường tài chính còn nhỏ, yếu. Tuy nhiên, một mặt các NHTM không thể tiếp tục "dậm chân tại chỗ" khi mà công nghệ đã phát triển, nhu cầu dịch vụ tài chính đa dạng đã không ngừng gia tăng, không gian thị trường hàng hóa, dịch vụ và do đó TTTC đã rộng mở...; Mặt khác cũng không thể nóng vội "thành lập" Tập đoàn tài chính bằng một mệnh lệnh hành chính Nhà nước. Trước khi Tập đoàn hoá, việc đầu tiên là phải xác định rõ chủ sở hữu tài sản của từng pháp nhân; Phải có Định chế tài chính đóng vai trò sáng lập; Phải có các cuộc "đàm phán" giữa các pháp nhân, các thể nhân về tất cả các quan hệ lợi ích, phương thức quản trị và phân tích chiến lược phát triển chung trong tương lai của

Tập đoàn. Công bố chung của nhà sáng lập và các pháp nhân tham gia tạo lập nên Tập đoàn trên cơ sở tự nguyện mới là căn cứ liên minh bền vững. Luật pháp Nhà nước phải được ghi việc thừa nhận tính chính thức của những công bố thuận theo qui luật này, vì đó là xu thế "tự nó", khách quan. Cổ phần hoá các NHTM Nhà nước ở Việt Nam do đó là tiền đề căn bản để phân định sở hữu một cách hữu danh quyền sở hữu vốn theo các quyền hữu dụng bộ phận (định đoạt, chỉ phối, sử dụng) trước khi chia và/hoặc thành lập mới thành các Công ty con độc lập hay liên kết với các pháp nhân khác để hình thành mô hình Tập đoàn tài chính.

Tập đoàn tài chính không phải là một Pháp nhân, càng không phải là một cách "đổi tên" từ Công ty to (một chủ sở hữu) thành một Tập đoàn, mà Tập đoàn *trước hết là một cấu trúc đa sở hữu gồm nhiều Pháp nhân độc lập* có chung một xuất xứ đã được phân chia rạch ròi hoặc từ nhiều pháp nhân liên kết hoạt động kinh doanh theo một chiến lược phát triển chung, một tôn chỉ hành động chung, một văn hóa chung và quan trọng nhất là hoạt động theo một cơ chế quan hệ về lợi ích kinh tế đã được xác lập, được ký kết và được sự thừa nhận của Nhà nước cũng như sự bảo hộ của Pháp luật hay Hiệp ước/Thông cáo chung giữa các quốc gia. Theo đó, sẽ là rất cần cho việc sớm có/và hoặc hoàn thiện môi trường Pháp lý đủ rõ ràng cho việc điều chỉnh sự hình thành các Tập đoàn kinh tế nói chung và tập đoàn tài chính nói riêng ở nước ta ■

Tài liệu tham khảo:

- Nghị quyết TW 3 khoá XI
- Thông báo số 191-TB/TW ngày 01 tháng 9 năm 2005 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
- Quyết định số 112/2006/QĐ-TTg ngày 24/5/2006 về việc phê duyệt đề án phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến 2020.
- Luật NHNN VN và Luật các TCTD 2010
- TS. Nguyễn Đại Lai - "Tác động của các Định chế tài chính nước ngoài trong việc tham gia tái cấu trúc sở hữu các Ngân hàng thương mại ở những nước có nền kinh tế chuyển đổi nói chung và ở Việt Nam nói riêng" Mã số: KNH 05/NCKH- 2008. Quyết định công nhận số: 2941/QĐ-NHNN ngày 08/12/2009 của Thống đốc NHNN.
- TS. Nguyễn Đại Lai "Cơ chế quản lý, cấu trúc hoạt động ngân hàng tại Hoa Kỳ: Khảo sát và bình luận" - Tạp chí công nghệ ngân hàng, 2 số: 19 & 20 tháng 10, 11/2007
- TS. Nguyễn Đại Lai: Luận giải về phương pháp định giá NHTM Nhà nước trong quá trình cổ phần hoá - Tạp chí kinh tế và dự báo - Bộ kế hoạch & Đầu tư, số 9-2004

Tập đoàn hoá các Ngân hàng thương mại nói riêng là xu thế tất yếu của quá trình đa năng hoá trong phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập.